TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/DS-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn-Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và bà Lê Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng là Thẩm tra viên, Toà án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2026/TLST-DS ngày 23/7/2026, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường G, thành phố H.

Người đại điện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hồng V1, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N-Chi nhánh Phù Cừ, Hưng Yên.

Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 "V/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án" của Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Người được ủy quyền lại: Ông Lương Thế T, Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N-Chi nhánh Phù Cừ, Hưng Yên.

Địa chỉ: thôn C, xã Q, tỉnh H.

Quyết định số 15/QĐ-NHNoPC-KH ngày 04/02/2026 của Giám đốc Ngân hàng N-Chi nhánh Phù Cừ, Hưng Yên.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: thôn T, xã Q, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn T, xã Q, tỉnh H.
Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985.
Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, tỉnh H.
Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995.
Địa chỉ: thôn L, xã Đ, tỉnh H.
Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: thôn T, xã Q, tỉnh H.
Người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo ủy quyền:
Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965.
Địa chỉ: thôn T, xã Q, tỉnh H.
Văn bản ủy quyền: Theo 02 Giấy ủy quyền ngày 08/9/2026.
Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các chứng cứ đã thu thập, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, nội dung vụ án như sau: Ngày 07/02/2013, Ngân hàng N-Chi nhánh Phù Cừ Hưng Yên và ông Nguyễn Mạnh S, bà Nguyễn Thị B ký hợp đồng tín dụng số 2411-LAV-2013000306 ngày 07/02/2013. Theo hợp đồng tín dụng, ngân hàng cho bên vay theo phương thức cho vay từng lần với số tiền cho vay là 500.000.000 đồng. Ngày 07/02/2013, ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh hàng tạp hóa, giầy dép, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 07/02/2013. Lãi suất tiền vay là 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thoả thuận, phương thức trả lãi 06 tháng 1 lần. Nợ gốc thanh toán hạn cuối cùng vào ngày 07/02/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, khi đến hạn thanh toán, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ số tiền vay chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã đôn đốc, làm việc và yêu cầu bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, bên vay cũng thừa nhận nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và đưa ra thời hạn trả nợ trong các biên bản làm việc nhưng vẫn không thực hiện. Cho đến nay, tạm tính đến ngày 27/8/2026 bên vay còn nợ số nợ gốc là 491.000.000 đồng; số tiền lãi là: 329.383.125 đồng. Ông S đã chết nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bên vay là bà B phải trả nợ cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc 491.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 27/8/2026 là 329.383.125 đồng. Đồng thời yêu cầu bên vay tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng N không còn yêu cầu nào khác.

Bà Nguyễn Thị B trình bầy: Ngày 07/02/2013, bà B và ông Nguyễn Mạnh S là chồng bà B vay của Ngân hàng N-Chi nhánh Phù Cừ Hưng Yên (viết tắt Ngân hàng) số tiền 500.000.000 đồng thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 2411-LAV-2013000306 ngày 07/02/2013. Phương thức cho vay: Từng lần với số tiền cho vay là 500.000.000 đồng; Ngày 07/02/2013 ngân hàng đã giải ngân cho bên vay toàn bộ số tiền 500.000.000đồng, mục đích vay để kinh doanh hàng tạp hóa, giầy dép, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 07/02/2013. Lãi suất tiền vay là 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thoả thuận, phương thức trả lãi 06 tháng 1 lần. Nợ gốc thanh toán hạn cuối cùng vào ngày 07/02/2014. Sau khi vay, cho đến nay vợ chồng bà B mới trả được 9.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ số tiền gốc là

491.000.000 đồng và số tiền lãi là: 291.402.225 đồng. Bà B và ông S sinh được 04 người con gái là Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị T. Bố mẹ ông S đã mất hết. Ông S đã mất năm 2019.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, bà B có quan điểm: Bà B khẳng định cho đến nay bà B và ông S còn nợ ngân hàng số nợ gốc là 491.000.000 đồng và số tiền lãi là: 291.402.225 đồng như ngân hàng tính toán là đúng. Bà B sẽ có trách nhiệm trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ này. Các con bà B, ông S không liên quan gì đến khoản nợ. Do bà B đang khó khăn nên bà B đề nghị ngân hàng cho bà B được trả dần số nợ gốc, bà B đề nghị ngân hàng cho bà B xin toàn bộ số tiền lãi.

Bà B đã được Tòa án cho xem hợp đồng tín dụng số 2411-LAV-2013000306 ngày 07/02/2013, bà B khẳng định chữ ký và chữ viết ở phần bên vay trong văn bản này đúng là chữ ký và chữ viết của ông S.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B phải trả nợ toàn bộ số nợ gốc 491.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 17/9/2026 là 330.775.110 đồng. Đồng thời yêu cầu bà B tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bà B vẫn khẳng định cho đến nay bà B và ông S còn nợ ngân hàng số nợ gốc là 491.000.000 đồng và số tiền lãi là: 330.775.110 đồng như ngân hàng tính toán là đúng. Ông S đã chết, bà B sẽ có trách nhiệm trả ngân hàng số nợ này. Bà B đề nghị ngân hàng cho bà B được trả dần số nợ gốc và đề nghị ngân hàng cho bà B xin toàn bộ số tiền lãi.

Bà B nộp đơn xin miễn án phí vì bà B là người cao tuổi và đang khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 Bộ luật Dân sự; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng.

Xác định số nợ ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ nghĩa vụ chung của ông S, bà B, ông S đã chết, các đương sự đều nhất trí về việc bà B sẽ trả số nợ này. Vì vậy, buộc bà B phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 491.000.000 đồng và tiền lãi như ngân hàng yêu cầu tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 17/9/2026 là 330.775.110 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bị đơn.

Các vấn đề khác không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Bà B và ông S giao kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng trong thời gian ông bà vẫn là vợ chồng. Ông S chết ngày 14/4/2019. Bà B thừa nhận khi ông S còn sống vợ chồng bà đã vay ngân hàng số tiền này. Do khó khăn nên mới trả được một số nợ gốc, còn nợ số nợ gốc là 491.000.000 đồng và nợ lãi như ngân hàng đã tính toán. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà B phải trả số nợ mà vợ chồng bà B còn nợ, bà B là một trong những người thừa kế của ông S, là người đại diện theo ủy quyền cho các con của ông S, bà B và chấp nhận trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng, xét thấy đây là quyền tự định đoạt của các đương sự không trái pháp luật. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các quy định của pháp luật thì xác định bà B là bị đơn. Do vậy, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn và các chứng cứ khác đã thu thập, căn cứ các quy định tại các Điều 26, 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 614, 615 của Bộ luật dân sự thì xác định đây là quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại", người khởi kiện là Ngân hàng N, người bị kiện là bà Nguyễn Thị B. Chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bên vay, Hội đồng xét xử nhận định: Theo hợp đồng tín dụng số 2411-LAV-2013000306 ngày 07/02/2013, thì bà B, ông S vay ngân hàng số tiền là 500.000.000 đồng. Ngày 07/02/2013, ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh hàng tạp hóa, giầy dép, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 07/02/2013. Lãi suất tiền vay là 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thoả thuận, phương thức trả lãi 06 tháng 1 lần. Nợ gốc thanh toán hạn cuối cùng vào ngày 07/02/2014. Bên vay đã nhận toàn bộ số tiền vay 500.000.000 đồng vào ngày 07/02/2013. Hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký, thực hiện và không có tranh chấp gì. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Theo hợp đồng tín dụng, bà B, ông S vay ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân và ông S còn sống nên xác định đây là nợ chung của ông S, bà B. Sau khi vay, bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã thỏa thuận, tính đến nay, bên vay mới trả được ngân hàng số nợ gốc là 9.000.000 đồng, còn nợ số tiền nợ gốc là

491.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 17/9/2026 là 330.775.110 đồng. Ông S đã chết, ngân hàng yêu cầu bà B phải trả nợ, bà B là một trong những người thừa kế của ông S chấp nhận sẽ trả nợ cho ngân hàng. Do vậy, xác định bà B có nghĩa vụ trả toàn bộ ngân hàng số nợ này. Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các điều 288, 357, 463, 466, 468, 614, 615 của Bộ luật dân sự; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà B phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 491.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2026) là 330.775.110 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 17/9/2026 bà B phải trả cho nguyên đơn là 821.775.110 đồng.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bà B có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự cho bà B.

[5]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 275, các điều 288, 357, 463, 466, 468, 614, 615 của Bộ luật dân sự; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 6, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 491.000.000 đồng .

Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2026) là 330.775.110 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2026) bà B phải trả cho nguyên đơn là: 821.775.110 đồng (tám trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm mười đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà Nguyễn Thị B.

Hoàn trả lại Ngân hàng N số tiền 17.634.544 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000484 ngày 22/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
-Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn